

Thứ tư, ngày 27 tháng 5 năm 2020

Vietnam Daily Review

Phiên điều chỉnh

Dự đoán xu hướng thị trường

	Tiêu cực	Trung lập	Tích cực
Ngày 28/5/2020		•	
Tuần 25/5-29/5/2020		•	
Tháng 5/2020		•	

Nhận định:

Thị trường cơ sở: Xu hướng tăng điểm đã đảo chiều trong phiên hôm nay. Đà tăng điểm vẫn duy trì trong phiên sáng nhưng đã đảo chiều vào đầu phiên chiều. Áp lực chốt lãi ngắn hạn đã gia tăng mạnh vào phiên chiều khiến 18/19 nhóm ngành đều giảm điểm. Khối ngoại duy trì hoạt động bán ròng trên sàn HSX trong khi mua ròng trở lại trên HNX. Độ rộng thị trường chuyển sang trạng thái tiêu cực, biên độ thị trường nói rộng và thanh khoản tăng mạnh cho thấy tâm lý chốt lãi đang chủ động các hoạt động giao dịch trên thị trường. Với phiên điều chỉnh này, VN-Index có thể quay lại kiểm tra ngưỡng hỗ trợ vùng giá 835-852 điểm.

Hợp đồng tương lai: Các HĐTL đều giảm điểm đồng thuận với xu hướng chung của chỉ số trong phiên hôm nay. Nhà đầu tư nên ưu tiên những nhịp cạnh bán với giá mục tiêu quanh ngưỡng 775 điểm cho các hợp đồng ngắn hạn.

Chứng quyền: Trong phiên giao dịch ngày 27/5/2020, chứng khoán cơ sở và chứng quyền đa số đều chìm trong sắc đỏ. Khối lượng giao dịch tăng mạnh so với phiên hôm trước.

Cập nhật hiệu suất danh mục i-Invest:

Danh mục đáng chú ý trong ngày: Theme_Cổ tức cao - Thanh khoản tốt_0.4%

Phân tích kỹ thuật: CTD_Mô hình hai đáy (Trang 3)

Điểm nhấn

- VN-Index **-11.65** điểm, đóng cửa **857.48**. HNX-Index **-1.60** điểm, đóng cửa **108.89**.
- Kéo chỉ số tăng: **VCB (+0.42)**; **HVN(+0.26)**; **NVL (+0.11)**; **CTD (+0.11)**; **EIB (+0.10)**.
- Kéo chỉ số giảm: **BID (-2.53)**; **VIC (-1.63)**; **VNM (-1.29)**; **HPG (-0.95)**; **VPB(-0.81)**.
- Giá trị khớp lệnh của VN-Index đạt **5,983** tỷ đồng, tăng **+20.1%** so với phiên trước.
- Biên độ dao động là 17.87 điểm, nói rộng so với phiên trước. Thị trường có **116** mã tăng, **57** mã tham chiếu và **208** mã giảm.
- Giá trị bán ròng của khối ngoại: **-116.43** tỷ đồng trên sàn HOSE, gồm **HPG(-83.20 tỷ)**, **VRE(-27.60 tỷ)** và **VJC (-18.19 tỷ)**. Khối ngoại mua ròng trên sàn HNX với giá trị **3.10** tỷ đồng.

Nhóm Phân tích định lượng- i-Invest

Đỗ Nam Tùng

tungdn@bsc.com.vn

Vũ Quốc Khánh

khanhvq@bsc.com.vn

VN-INDEX

857.48

Giá trị: 5983.42 tỷ

-11.65 (-1.34%)

Khối ngoại (ròng): -39.69 tỷ

HNX-INDEX

108.89

Giá trị: 703.08 tỷ

-1.6 (-1.45%)

Khối ngoại (ròng): -2.2 tỷ

UPCOM-INDEX

54.93

Giá trị: 0.48 tỷ

-0.4 (-0.72%)

Khối ngoại (ròng): -14.01 tỷ

Thông số vĩ mô

	Giá trị	%
Giá dầu	34.1	-0.76%
Giá vàng	1,707	-0.22%
Tỷ giá USD/VND	23,326	0.03%
Tỷ giá EUR/VND	25,591	0.66%
Tỷ giá JPY/VND	21,660	-0.11%
LS liên NH 1 tháng	1.4%	5.22%
LS TPCP 5 năm	2.2%	0.27%

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Top giao dịch khối ngoại (tỷ đồng)

Top mua	Giá trị	Top bán	Giá trị
VCB	22.6	HPG	83.2
GAS	22.2	VRE	27.6
VIC	20.1	VJC	18.2
MSN	18.7	CII	16.3
MBB	7.6	CRE	13.3

Nguồn: BSC Research

Mục lục

Tổng quan thị trường	Trang 1
i-INVEST	Trang 2
Tín hiệu cổ phiếu	Trang 3
Tín hiệu hàng hóa	Trang 4
Thị trường phái sinh	Trang 5
Cổ phiếu lớn	Trang 6
Thống kê thị trường	Trang 7
Báo cáo mới nhất	Trang 8
iBroker	Trang 9
Khuyến cáo sử dụng	Trang 10

* Danh mục đáng chú ý trong ngày: Theme_Cổ tức cao - Thanh khoản tốt_0.4%

Danh mục	Hiệu suất danh mục						Độ lệch chuẩn
	Ngày	Tuần	Tháng	Quý	Nửa năm	Năm	
Chủ đề (Click để xem báo cáo)	6/24 danh mục Chủ đề có mức hiệu suất ngày tốt hơn VNINDEX						
Cổ tức cao - Thanh khoản tốt	0.4%	2.7%	8.2%	32.8%	3.3%	3.3%	15.6%
Xây dựng	-0.2%	3.6%	11.3%	38.3%	-5.1%	-5.1%	19.3%
Ngành Dược	-0.4%	0.4%	1.7%	17.6%	-5.9%	-5.9%	18.0%
Stay-at-home	-0.8%	1.0%	6.9%	38.2%	0.2%	0.2%	17.3%
Top 10 cổ phiếu VN30	-1.1%	0.2%	11.8%	31.1%	-13.5%	-13.5%	16.7%
Dầu khí	-1.3%	1.9%	11.2%	42.5%	-23.0%	-23.0%	25.4%
MSCI frontier 100 Việt Nam	-1.6%	0.3%	12.0%	29.3%	-9.1%	-9.1%	16.0%
FTSE Việt Nam	-1.7%	0.0%	12.7%	27.3%	-9.0%	-9.0%	16.9%
Vật liệu Xây dựng	-1.7%	3.5%	12.8%	45.9%	-1.2%	-1.2%	20.6%
Corona Avengers	-1.8%	2.7%	11.5%	48.7%	-2.0%	-2.0%	22.3%
Nước & Năng lượng	-1.9%	1.7%	6.5%	29.3%	-8.3%	-8.3%	16.7%
BĐS & Khu công nghiệp	-1.9%	1.6%	7.5%	25.8%	-12.8%	-12.8%	18.0%
VN FinSelect	-1.9%	-0.3%	15.2%	32.7%	-7.2%	-7.2%	20.1%
Lãi suất giảm	-2.0%	2.0%	11.0%	42.9%	-5.7%	-5.7%	19.3%
Cổ phiếu cơ sở Chứng quyền	-2.0%	0.0%	10.0%	31.7%	-9.2%	-9.2%	17.8%
VN Diamond	-2.0%	-0.5%	10.4%	33.8%	-11.9%	-11.9%	19.4%
Cổ phiếu đầu ngành tài chính	-2.1%	-0.4%	14.8%	33.4%	-7.7%	-7.7%	21.5%
Bảo hiểm & Chứng khoán	-2.1%	2.0%	9.4%	36.8%	-7.2%	-7.2%	22.9%
Tăng trưởng - định giá hấp dẫn	-2.2%	-0.3%	13.0%	40.0%	-10.6%	-10.6%	21.2%
Ngân Hàng	-2.3%	0.4%	14.0%	31.2%	-5.7%	-5.7%	23.5%
Cổ phiếu hết room ngoại	-2.4%	-0.1%	9.8%	33.1%	-11.5%	-11.5%	19.5%
Chiến tranh thương mại	-2.5%	3.0%	9.0%	42.5%	-9.7%	-9.7%	18.3%
Hàng tiêu dùng	-2.7%	0.3%	10.1%	47.3%	-5.0%	-5.0%	19.6%
Bất động sản Khu công nghiệp	-3.4%	6.1%	4.9%	4.9%	4.9%	4.9%	25.8%
Mục tiêu	2/9 danh mục Mục tiêu có mức hiệu suất ngày tốt hơn VNINDEX						
M12	-1.1%	0.9%	12.6%	30.9%	-6.6%	-6.6%	19.9%
L11	-1.2%	1.2%	8.3%	29.5%	-10.2%	-10.2%	17.5%
L22	-1.4%	1.9%	9.9%	39.7%	-8.4%	-8.4%	19.7%
M22	-1.5%	0.6%	13.7%	37.1%	-3.7%	-3.7%	18.9%
S21	-1.8%	2.3%	11.2%	36.6%	-7.6%	-7.6%	20.0%
S11	-2.0%	0.2%	9.1%	25.9%	-3.8%	-3.8%	18.9%
M31	-2.2%	1.2%	11.4%	33.6%	-8.8%	-8.8%	21.1%
L32	-2.3%	2.1%	13.5%	48.7%	-9.9%	-9.9%	21.0%
S32	-2.8%	0.6%	11.3%	44.7%	-15.1%	-15.1%	22.3%
Khẩu vị Rủi ro	0/3 danh mục Khẩu vị Rủi ro có mức hiệu suất ngày tốt hơn VNINDEX						
LOW1	-1.5%	1.6%	11.4%	27.7%	-5.8%	-5.8%	17.1%
MID1	-1.5%	0.7%	9.0%	36.0%	-2.0%	-2.0%	17.5%
HIGH3	-2.6%	2.0%	9.5%	38.2%	-1.5%	-1.5%	19.0%
INDEX							
VNINDEX	-1.3%	0.6%	11.5%	29.4%	-10.8%	-10.8%	16.8%
VN30INDEX	-1.7%	-0.2%	12.0%	31.2%	-8.8%	-8.8%	17.4%

*Hiệu suất danh mục sử dụng dữ liệu thật theo đúng kỳ tái cân bằng của danh mục.

Tham chiếu chỉ số VNINDEX

Danh mục	Tổng số	Ngày		Tuần		Tháng	
		Thắng	Thua	Thắng	Thua	Thắng	Thua
Chủ đề	24	6	18	12	12	9	15
Mục tiêu	9	2	7	8	1	3	6
Rủi ro	3	0	3	3	0	0	3

*Để xem chi tiết danh mục xin vui lòng đăng nhập vào BSC i-Invest theo đường link:

<https://invest.bsc.com.vn/#/login>

Phân tích kỹ thuật

CTD_Mô hình hai đáy

Điểm nhấn kỹ thuật:

- Xu hướng hiện tại: Tăng giá.
- Chỉ báo xu hướng MACD: Xuất hiện Golden Cross.
- Chỉ báo RSI: Ở trên giá trị 50 nhưng chưa đi vào vùng quá mua.
- Đường MA: EMA12 ở trên EMA26.

Nhận định: CTD đang ở trong trạng thái tăng giá từ đầu tháng 4 đến nay đồng thuận với đà hồi phục của thị trường chứng khoán Việt Nam. Thanh khoản cổ phiếu những phiên gần đây đang có chiều hướng tăng dần. Phiên hôm nay, sự hưng phấn đã đẩy giá cổ phiếu tăng kịch trần, qua đó vượt qua ngưỡng cản tại giá 72 và chính thức xác lập mô hình hai đáy báo hiệu sự bắt đầu cho chu kỳ tăng trung hạn. Các chỉ báo kỹ thuật hầu hết đều đang ủng hộ cho trạng thái tích cực của CTD. Chỉ báo động lượng RSI đang tăng dần nhưng chưa đi vào vùng quá mua nên cổ phiếu có thể tiếp tục duy trì đà tăng của mình trong những phiên tới. Ngưỡng hỗ trợ gần nhất của CTD nằm tại mốc 68. Mục tiêu chốt lãi của cổ phiếu nằm tại xung quanh ngưỡng 92, cắt lỗ nếu mốc 62 bị xuyên thủng.



Nguồn: BSC, PTKT Itrade

Các mã cổ phiếu tăng giá theo dự báo của BSC

PLX_Tín hiệu tích cực

[Link](#)

GVR_Tín hiệu tích cực

[Link](#)

PC1_Tăng giá

[Link](#)

CTI_Xu hướng tăng

[Link](#)

VNM_Hưng phấn

[Link](#)

Cập nhật giá cả hàng hóa sáng 27/5

*Mặt hàng	ĐVT	Giá	% Ngày	% Tuần	% Tháng	% Năm	Liên quan đầu ra	Liên quan đầu vào
Dầu WTI	USD/barrel	34.03	-0.93%	6.50%	60.40%	-40.83%	GAS, BSR,	PVD, PVT
Dầu Brent	USD/barrel	35.94	-0.64%	0.50%	55.80%	-37.34%	GAS, BSR,	PVD, PVT
Xăng	USDcent/gallon	103.70	-1.13%	-0.80%	48.10%	-43.53%	PLX, OIL	HVN, VJC
Vàng	USD/ounce	1711.18	0.04%	-2.10%	-0.20%	28.86%	PNJ	PNJ
Bạc	USD/ounce	17.10	-0.18%	-2.60%	12.50%	16.33%	PNJ	PNJ
Đậu tương	UScent/bushel	846.75	-0.03%	0.50%	0.90%	-8.14%	HKB	DBC, QNS
Lúa mì	UScent/bushel	506.25	-0.10%	1.50%	-4.60%	-5.86%		AFX
Sữa	USD /cwt	17.55	0.17%	1.60%	50.50%	5.66%	VNM, GTN	KDC
Cao su	JPY/kg	143.52	-0.14%	#DIV/0!	n/a	n/a	DPR, PHR	SRC, CSM
Đường	US cent/lb	11.05	1.10%	2.30%	10.40%	-17.41%	SBT, LSS	VNM, GTN
Cà phê	UScent/lb	105.10	1.45%	-2.50%	-6.50%	-1.50%	CTP, DLG	VCF, CTP
Đồng	USD/ton	5362.00	1.39%	0.80%	4.50%	-10.03%	MSN, ACM	CAV, SAM
Thép	USD/ton	488.06	-0.56%	-2.20%	3.50%	n/a	HSG, HPG	PC1, CTD
Nhôm	USD/ton	1519.50	0.86%	1.60%	0.30%	-15.91%		CAV, SAM
Quặng sắt	USD/ton	97.30	-1.73%	-2.40%	14.20%	n/a	HSG, HPG	HSG, HPG
Than đá	USD/ton	56.80	0.44%	3.60%	6.80%	-28.33%	HLC, NBC	HT1, BCC

Nguồn: BSC tổng hợp

Thông tin nổi bật

Giá dầu

- Dầu thô Brent kỳ hạn tháng 7 tăng 1,8% hay 64 US cent lên 36,17 USD/thùng. Dầu thô WTI cùng kỳ hạn tăng 3,3% hay 1,1 USD lên 34,35 USD/thùng.
- Sự phục hồi hiện tại của giá dầu chủ yếu bởi những xem xét về nguồn cung. Các nhà sản xuất thuộc OPEC+ không chỉ tuân thủ thỏa thuận cắt giảm sản lượng 9,7 triệu thùng/ngày mà thậm chí một số quốc gia sản xuất lớn ở vùng Vịnh như Saudi Arabia, UAE và Kuwait có thể cắt giảm nhiều hơn. Khi những hạn chế phong tỏa đang được nới lỏng, phía nhu cầu cũng hỗ trợ giá.
- Bộ trưởng Năng lượng Nga dự kiến nhóm họp với các nhà sản xuất dầu mỏ để bàn luận khả năng gia hạn cắt giảm sản lượng ngoài tháng 6. Thị trường phấn khích khi Nga nói rằng sản lượng dầu của nước này đã giảm gần mục tiêu 8,5 triệu thùng/ngày trong tháng 5 và tháng 6/2020 theo thỏa thuận nguồn cung của tổ chức OPEC+.

Giá vàng

- Vàng giao ngay giảm 1,1% xuống 1.710,95 USD/ounce, trong phiên giá đã giảm xuống 1.708,47 USD, thấp nhất kể từ ngày 13/5. Vàng Mỹ kỳ hạn tháng 6 chốt phiên giảm 1,7% xuống 1.705,6 USD/ounce.
- Giá vàng giảm hơn 1% trong phiên vừa qua do nhiều quốc gia nới lỏng việc phong tỏa dấy lên hy vọng phục hồi kinh tế, mặc dù căng thẳng Mỹ - Trung Quốc về Hong Kong đã hạn chế đà giảm.

Giá sắt thép

- Quặng sắt kỳ hạn tháng 9 trên sàn giao dịch hàng hóa Đại Liên đã giảm 3,47% xuống 695 CNY (97,42 USD)/tấn, trước khi đóng cửa giảm 3% xuống 699 CNY. Giá quặng sắt giao ngay hàm lượng 62% xuất sang Trung Quốc giảm xuống 98,5 USD/tấn trong ngày 25/5.
- Thép thanh kỳ hạn tháng 10 trên sàn giao dịch Thượng Hải đóng cửa giảm 0,5% xuống 3.493 CNY/tấn. Thép cuộn cán nóng, sử dụng trong lĩnh vực sản xuất đã giảm 0,2% xuống 3.407 CNY/tấn. Hợp đồng thép không gỉ kỳ hạn tháng 6 trên sàn giao dịch Thượng Hải tăng 0,2% lên 13.250 CNY/tấn.
- Giá quặng sắt kỳ hạn tại Trung Quốc tiếp tục giảm trong phiên thứ hai liên tiếp, giảm gần 3,5% do số liệu cho thấy xuất khẩu tăng từ các mỏ chủ chốt trong tuần trước làm dấy lo lắng về nguồn cung.

Giá cao su

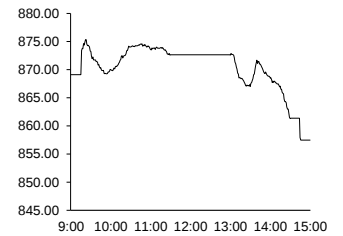
- Hợp đồng cao su tại sàn giao dịch hàng hóa Tokyo (TOCOM) kỳ hạn hàng 11 đóng cửa tại 154,6 JPY (1,4 USD)/kg, tăng 1,1 JPY hay 0,7% so với giá mở cửa tại 153,5 JPY. Hợp đồng cao su kỳ hạn tháng 9 tại Thượng Hải tăng 95 CNY lên 10.325 CNY (1.448 USD)/tấn.
- Giá cao su tại Tokyo tiếp tục tăng khi Nhật Bản dỡ bỏ tình trạng khẩn cấp tại thủ đô, củng cố hy vọng phục hồi kinh tế, trong khi dầu tăng cũng hỗ trợ giá.

Giá nông sản

- Đường thô kỳ hạn tháng 7 chốt phiên tăng 0,12 US cent hay 1,1% lên 11,05 US cent/lb do giá dầu tăng và đồng nội tệ của Brazil mạnh lên. Đồng real của Brazil mạnh lên làm giảm giá các hàng hóa định giá bằng USD như đường, cà phê và có thể hạn chế nhà sản xuất bán ra.
- Cà phê arabica kỳ hạn tháng 7 đóng cửa tăng 1,5 US cent hay 1,4% lên 1,051 USD/lb. Có một số hỗ trợ từ thời tiết lạnh ở khu vực trồng cà phê ở Brazil, nhưng cơ hội tăng giá vẫn thấp.
- Đậu tương kỳ hạn tháng 7 trên sàn giao dịch Chicago (CBOT) tăng 12-3/4 US cent lên 8,46 USD/bushel. Ngô cùng kỳ hạn tăng 1-3/4 US cent lên 3,19-3/4 USD/bushel và lúa mì tăng 2-1/4 US cent lên 5,11 USD/bushel.

Hình 1

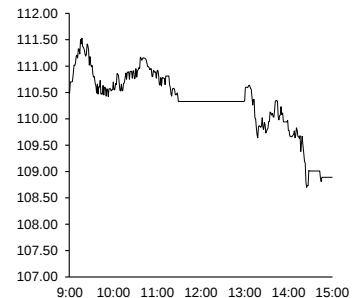
HSX-Index Intraday



Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Hình 2

HNX-Index Intraday



Nguồn: Bloomberg, BSC Research

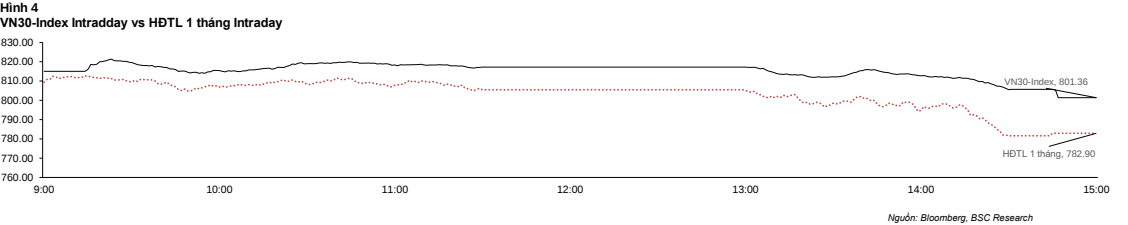
Bảng 1

Vận động ngành trong ngày

Ngành	±%
Viễn thông	-5.28%
Y tế	-0.38%
Truyền thông	-0.02%
Bất động sản	0.09%
Thực phẩm và đồ uống	0.42%
Hóa chất	0.45%
Bán lẻ	0.54%
Công nghệ Thông tin	0.63%
Hàng cá nhân & Gia dụng	0.67%
Du lịch và Giải trí	0.73%
Dầu khí	1.43%
Điện, nước & xăng dầu khí đốt	1.63%
Xây dựng và Vật liệu	2.01%
Ngân hàng	2.08%
Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	2.09%
Ô tô và phụ tùng	2.14%
Dịch vụ tài chính	2.43%
Tài nguyên Cơ bản	3.06%
Bảo hiểm	3.64%

Nguồn: FiinPro

Thị trường hợp đồng tương lai



Bảng 4
Hợp đồng tương lai

CK	Đóng	± Ngày	± Basis	%KL	KLGD	Đáo hạn	Số ngày*
VN30F2006	782.90	-3.27%	-18.46	14.8%	208,309	6/18/2020	24
VN30F2007	773.00	-3.37%	-28.36	-1.4%	759	7/16/2020	52
VN30F2009	762.10	-2.17%	-39.26	-28.5%	253	9/17/2020	115
VN30F2012	760.10	-2.55%	-41.26	136.1%	144	12/17/2020	206

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Nhận định:

- VN30 Index giảm 13.65 điểm xuống mức 801.36 điểm. Các cổ phiếu chủ chốt như HPG, VPB, VNM, VHM và TCB tác động mạnh đến trạng thái giảm của VN30. Chỉ số VN30 duy trì sắc xanh trong phiên sáng nhưng đã dần mất điểm trong phiên chiều. VN30 có thể sẽ có sự điều chỉnh trong những phiên tới.
- Các HDTL đều giảm điểm đồng thuận với xu hướng chung của chỉ số trong phiên hôm nay. Xét về khối lượng giao dịch, VN30F2006 và VN30F2012 tăng, trong khi VN30F2007 và VN30F2009 giảm. Xét về vị thế mở, VN30F2006 và VN30F2007 tăng, còn VN30F2009 và VN30F2012 giảm. Điều này báo hiệu những diễn biến khó lường của thị trường phái sinh trong thời gian tới. Nhà đầu tư nên ưu tiên những nhịp cạnh bán với giá mục tiêu quanh ngưỡng 775 điểm cho các hợp đồng ngắn hạn.

Thị trường chứng quyền có bảo đảm

Mã	CTCK	Đáo hạn	Số ngày	CR	KLGD	± Ngày	KLNY (cp)	Độ lệch chuẩn	Giá phát hành	Giá CQ	± Ngày	Giá Lý thuyết	Price/Value	Mã	Giá hòa vốn	Giá thực hiện	Giá CKCS
CMSN2001	KIS	12/16/2020	203	5:1	189,300	1325.5%	2.0 triệu	33.48%	2,300	2,080	4.00%	1,103.00	1.89	CMSN2001	77,289	65,789	62,500
CFPT2004	SSI	8/10/2020	75	1:1	42,830	4.8%	2.0 triệu	32.43%	5,100	9,750	1.67%	7,287.90	1.34	CFPT2004	55,100	50,000	48,000
CFPT2003	SSI	11/9/2020	166	1:1	27,230	-6.4%	2.0 triệu	32.43%	7,300	12,290	1.15%	9,105.90	1.35	CFPT2003	57,300	50,000	48,000
CPNJ2004	MBS	8/18/2020	83	5:1	333,680	0.0%	2.5 triệu	35.03%	1,000	1,120	0.00%	573.50	1.95	CPNJ2004	72,000	67,000	63,000
CVJC2001	KIS	12/16/2020	203	10:1	367,710	499.7%	2.0 triệu	28.01%	2,400	710	0.00%	30.30	23.43	CVJC2001	197,137	173,137	113,000
CPNJ2002	VND	10/1/2020	127	2:1	59,740	140.9%	1.0 triệu	35.03%	2,400	4,310	-0.92%	1,652.10	2.61	CPNJ2002	73,800	69,000	63,000
CFPT2005	VND	7/1/2020	35	1:1	100,200	44.8%	1.0 triệu	32.43%	2,900	8,800	-1.01%	7,624.90	1.15	CFPT2005	51,900	49,000	48,000
CDPM2002	KIS	12/16/2020	203	1:1	137,960	154.4%	2.0 triệu	38.74%	1,700	2,890	-2.03%	1,756.70	1.65	CDPM2002	16,952	15,252	14,900
CTCB2004	MBS	8/18/2020	83	2:1	326,550	37.1%	2.0 triệu	35.65%	1,050	2,320	-2.93%	2,116.10	1.10	CTCB2004	19,100	17,000	20,900
CHPG2005	VND	10/1/2020	127	1:1	128,450	190.8%	2.0 triệu	34.65%	2,100	9,160	-4.68%	8,576.60	1.07	CHPG2005	21,100	19,000	27,200
CREE2002	VND	7/1/2020	35	1:1	129,650	-51.5%	1.5 triệu	29.37%	1,800	2,500	-4.94%	1,018.80	2.45	CREE2002	33,800	32,000	31,550
CVNM2003	MBS	9/4/2020	100	10:1	295,470	33.3%	3.0 triệu	29.90%	1,450	2,570	-7.22%	2,286.40	1.12	CVNM2003	108,500	94,000	115,000
CVPB2005	MBS	8/18/2020	83	2:1	256,900	-8.8%	2.0 triệu	42.13%	1,510	2,550	-10.84%	2,079.30	1.23	CVPB2005	22,520	19,500	23,000
CMWG2005	VND	10/1/2020	127	2:1	629,680	613.7%	1.0 triệu	38.66%	2,500	6,310	-11.00%	2,721.70	2.32	CMWG2005	97,000	92,000	84,800
CHPG2002	KIS	12/16/2020	203	2:1	434,730	460.0%	3.0 triệu	34.65%	1,700	1,880	-12.15%	1,022.20	1.84	CHPG2002	33,399	29,999	27,200
CSTB2002	KIS	12/16/2020	203	1:1	306,440	2307.2%	3.0 triệu	38.12%	1,700	1,320	-13.16%	627.10	2.10	CSTB2002	13,588	11,888	10,100
CSTB2003	KIS	9/16/2020	112	1:1	294,040	379.2%	3.0 triệu	38.12%	1,360	1,100	-16.67%	526.20	2.09	CSTB2003	12,471	11,111	10,100
CHPG2001	HSC	6/30/2020	34	2:1	158,810	73.0%	5.0 triệu	34.65%	1,800	2,000	-18.03%	1,728.70	1.16	CHPG2001	27,600	24,000	27,200
CHPG2004	SSI	6/15/2020	19	1:1	213,780	-35.1%	5.0 triệu	34.65%	2,800	4,080	-19.21%	3,783.40	1.08	CHPG2004	26,300	23,500	27,200
CVPB2001	HSC	6/22/2020	26	2:1	207,840	297.2%	5.0 triệu	42.13%	1,500	1,690	-19.52%	1,592.90	1.06	CVPB2001	23,000	20,000	23,000
Tổng:					4,640,990		50.00 triệu	35.01%**									
Chú thích:					Bảng bao gồm các chứng quyền có giá trị giao dịch nhiều nhất				CR: Tỷ lệ chuyển đổi								
					Lãi suất phi rủi ro là 4.75%				Số ngày: Số ngày đến thời điểm đáo hạn								
					**Trung bình độ lệch chuẩn				*Giá lý thuyết được tính theo công thức Black-Scholes								

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Nhận định:

- Trong phiên giao dịch ngày 27/5/2020, chứng khoán cơ sở và chứng quyền đa số đều chìm trong sắc đỏ. Khối lượng giao dịch tăng mạnh so với phiên hôm trước.
- Về giá, CMSN2003 và CPNJ2002 tăng mạnh nhất lần lượt là 20.5% và 14.7%, ở chiều hướng ngược lại, CMWG2005 và CMWG2001 giảm mạnh nhất lần lượt là 36.5% và 33.3%. Thanh khoản thị trường tăng 47.6%. CROS2001 có khối lượng giao dịch nhiều nhất, chiếm 7.93% thị trường.
- Tất cả chứng quyền đều có giá thị trường cao hơn giá lý thuyết. CVNM2003 và CHPG2005 là những chứng quyền tích cực nhất xét về trạng thái lãi. CHPG2005 và CHPG2007 là những chứng quyền tích cực nhất xét về tỷ suất sinh lời.

Tổ Quang Vinh
vinhtq@bsc.com.vn

Bảng 2
Top tăng điểm VN30

CK	Giá	± giá (%)	Index pt
EIB	17.20	1.78	0.41
CTD	74.10	6.93	0.22
VCB	82.90	0.48	0.21
NVL	53.80	0.75	0.18
GAS	75.00	0.13	0.01

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Bảng 3
Top giảm điểm VN30

CK	Giá	± giá (%)	Index pt
HPG	27.2	-4.23	-2.61
VPB	23.0	-4.76	-2.57
VNM	115.0	-2.21	-1.92
VHM	74.7	-2.23	-0.87
TCB	20.9	-1.18	-0.75

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Mã	Ngành	Giá đóng cửa (nghìn VND)	% Ngày	Beta	Vốn hóa (Triệu USD)	Thanh khoản (triệu USD)	EPS (VND)	P/E	P/B	NN sở hữu	ROE
MWG	Bán lẻ	84.8	-2.0%	1.3	1,670	5.0	8,808	9.6	2.9	49.0%	33.6%
PNJ	Bán lẻ	63.0	-1.9%	1.4	617	3.5	5,248	12.0	2.8	49.0%	26.0%
BVH	Bảo hiểm	50.5	-2.9%	1.3	1,630	4.1	1,168	43.2	1.9	28.4%	4.7%
PVI	Bảo hiểm	30.8	0.3%	0.5	299	0.0	2,092	14.7	1.0	54.3%	7.0%
VIC	Bất động sản	96.9	0.0%	0.8	14,250	2.5	2,095	46.3	4.1	14.0%	10.6%
VRE	Bất động sản	25.5	-3.8%	1.1	2,519	8.1	1,226	20.8	2.2	30.8%	10.3%
NVL	Bất động sản	53.8	0.7%	0.8	2,268	2.4	3,584	15.0	2.3	5.9%	16.3%
REE	Bất động sản	31.6	-2.9%	0.8	425	1.3	4,976	6.3	1.0	49.0%	16.0%
DXG	Bất động sản	11.2	-3.5%	1.4	252	2.3	2,289	4.9	0.8	39.7%	15.9%
SSI	Chứng khoán	14.9	-2.9%	1.3	389	5.3	1,415	10.5	0.8	50.5%	7.8%
VCI	Chứng khoán	23.0	-4.2%	1.0	164	0.8	4,240	5.4	0.9	29.9%	18.0%
HCM	Chứng khoán	18.8	-5.3%	1.8	250	3.4	1,480	12.7	1.3	53.7%	12.0%
FPT	Công nghệ	48.0	-1.6%	0.8	1,636	4.5	4,804	10.0	2.2	49.0%	23.4%
FOX	Công nghệ	50.5	0.2%	0.4	546	0.0	4,812	10.5	2.7	0.2%	28.3%
GAS	Dầu khí	75.0	0.1%	1.5	6,241	3.8	5,820	12.9	2.8	3.3%	23.6%
PLX	Dầu khí	46.9	0.0%	1.5	2,428	2.0	869	54.0	3.0	13.3%	5.7%
PVS	Dầu khí	12.8	-1.5%	1.5	266	3.2	1,777	7.2	0.5	12.7%	7.1%
BSR	Dầu khí	6.4	0.0%	0.8	863	1.1	898	7.1	0.6	41.1%	8.5%
DHG	Dược	93.2	0.2%	0.5	530	0.2	5,046	18.5	3.5	54.4%	20.2%
DPM	Hóa chất	14.9	-1.0%	0.5	254	3.5	1,006	14.8	0.7	12.3%	5.4%
DCM	Hóa chất	8.4	-4.4%	0.5	194	0.7	415	20.3	0.7	1.9%	3.7%
VCB	Ngân hàng	82.9	0.5%	1.1	13,368	3.0	4,848	17.1	3.6	23.7%	22.8%
BID	Ngân hàng	39.8	-5.2%	1.4	6,960	4.2	2,140	18.6	2.1	17.7%	12.0%
CTG	Ngân hàng	22.4	-3.2%	1.2	3,626	8.4	2,510	8.9	1.1	29.6%	12.6%
VPB	Ngân hàng	23.0	-4.8%	1.2	2,438	8.2	3,750	6.1	1.3	23.4%	22.7%
MBB	Ngân hàng	17.3	-1.7%	1.1	1,814	8.3	3,398	5.1	1.0	23.0%	20.1%
ACB	Ngân hàng	22.8	-2.1%	1.0	1,648	6.5	3,780	6.0	1.3	30.0%	23.9%
BMP	Nhựa	48.4	-0.5%	0.9	172	0.3	5,303	9.1	1.5	80.1%	17.0%
NTP	Nhựa	34.9	0.3%	0.4	149	0.4	4,208	8.3	1.3	18.6%	17.0%
MSR	Tài nguyên	15.0	-0.7%	0.5	645	0.0	356	42.1	1.2	2.0%	2.9%
HPG	Thép	27.2	-4.2%	1.2	3,265	24.1	2,764	9.8	1.5	36.6%	17.4%
HSG	Thép	10.1	1.6%	1.6	194	7.3	1,491	6.7	0.7	16.0%	11.3%
VNM	Tiêu dùng	115.0	-2.2%	0.7	8,707	5.6	5,453	21.1	6.7	58.7%	32.5%
SAB	Tiêu dùng	175.2	-0.1%	0.8	4,885	0.6	6,719	26.1	6.5	63.3%	27.2%
MSN	Tiêu dùng	62.5	0.0%	1.0	3,176	6.1	3,961	15.8	1.7	39.3%	12.7%
SBT	Tiêu dùng	15.0	-0.3%	0.8	381	1.6	141	106.3	1.2	5.8%	1.4%
ACV	Vận tải	59.9	0.0%	0.8	5,670	0.9	3,450	17.4	3.6	3.4%	22.3%
VJC	Vận tải	113.0	0.0%	1.1	2,574	2.5	7,110	15.9	4.0	18.5%	26.3%
HVN	Vận tải	28.0	2.4%	1.7	1,727	5.1	1,654	16.9	2.2	9.3%	12.9%
GMD	Vận tải	19.6	-2.7%	0.9	253	0.3	1,583	12.4	1.0	49.0%	7.8%
PVT	Vận tải	11.0	-1.3%	1.1	135	1.4	2,117	5.2	0.7	25.0%	14.3%
VCS	Vật liệu xây dựng	67.0	-3.0%	1.0	452	1.1	9,201	7.3	3.1	2.6%	45.7%
VGC	Vật liệu xây dựng	19.1	0.5%	0.8	371	0.4	1,453	13.1	1.3	9.9%	10.1%
HT1	Vật liệu xây dựng	14.7	0.0%	1.0	244	0.4	1,938	7.6	1.0	6.4%	13.8%
CTD	Xây dựng	74.1	6.9%	1.1	246	3.8	8,032	9.2	0.7	46.5%	7.3%
VCG	Xây dựng	25.1	-0.4%	0.4	482	0.0	1,498	16.8	1.6	0.5%	10.0%
CII	Xây dựng	20.0	0.5%	0.4	208	1.3	1,775	11.3	0.9	44.9%	8.5%
POW	Điện	10.3	-2.8%	0.6	1,049	3.0	1,028	10.0	0.9	11.3%	9.4%
NT2	Điện	21.5	0.2%	0.5	268	0.6	2,543	8.4	1.4	17.7%	18.1%

Thống kê thị trường

Top 5 cổ phiếu tác động tăng lên VN-Index

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
VCB	82.90	0.48	0.42	817770.00
HVN	28.00	2.38	0.26	4.18MLN
NVL	53.80	0.75	0.11	1.05MLN
CTD	74.10	6.93	0.11	1.20MLN
EIB	17.20	1.78	0.11	471440.00

Top 5 cổ phiếu tác động giảm lên VN-Index

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
BID	-0.01	-2.53	2.29MLN	1.11MLN
VHM	0.00	-1.63	3.77MLN	607060.00
VNM	0.00	-1.29	1.11MLN	373600.00
HPG	0.00	-0.95	19.78MLN	192700.00
VPB	0.00	-0.81	7.92MLN	611640.00

Top 5 cổ phiếu tăng mạnh nhất trên HSX

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
TAC	37.45	7.00	0.02	89840.00
TVB	10.70	7.00	0.01	1.92MLN
VAF	7.34	7.00	0.01	10.00
TNC	19.20	6.96	0.01	41040.00
QBS	2.16	6.93	0.00	327380.00

Top 5 cổ phiếu giảm mạnh nhất trên HSX

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
L10	14.00	-6.98	0.00	80.00
FRT	25.40	-6.96	-0.04	2.27MLN
QCG	7.37	-6.94	-0.04	677260.00
DHM	7.79	-6.93	-0.01	70290.00
DTL	9.68	-6.92	-0.01	350.00

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Top 5 cổ phiếu tác động tăng lên HNX-Index

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
DGC	35.50	5.97	0.16	450200.00
NVB	8.20	2.50	0.08	2.89MLN
DL1	11.50	4.55	0.02	100.00
MBS	10.40	5.05	0.02	3.00MLN
VNR	18.90	3.28	0.01	100.00

Top 5 cổ phiếu tác động giảm lên HNX-Index

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
ACB	22.80	-2.15	-0.81	6.39MLN
SHB	13.60	-2.86	-0.54	9.62MLN
VCS	67.00	-3.04	-0.07	367300.00
PVS	12.80	-1.54	-0.05	5.72MLN
SHS	9.00	-3.23	-0.05	2.25MLN

Top 5 cổ phiếu tăng mạnh nhất trên HNX

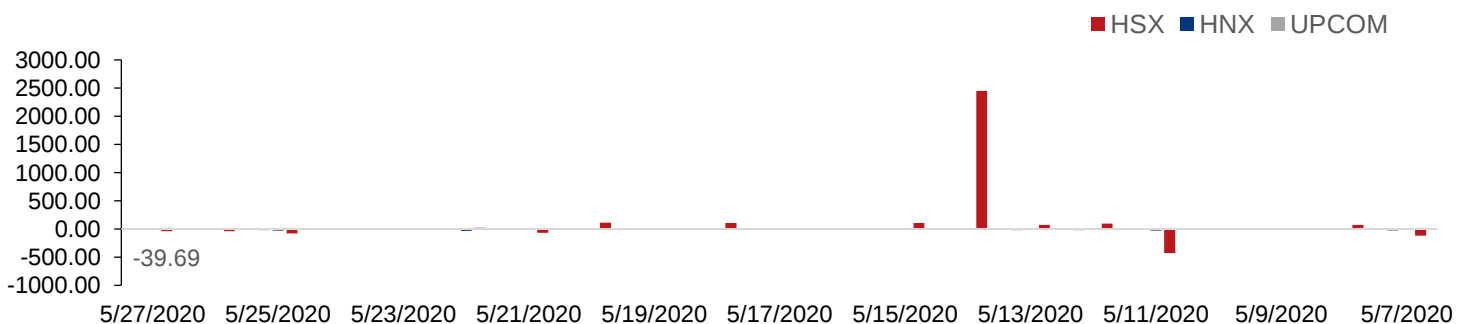
CK	Giá	%	Index pt	KLGD
BII	0.80	14.3	0.00	146100.00
HKB	0.80	14.3	0.00	137600.00
KVC	0.90	12.5	0.01	479800.00
D11	23.50	9.8	0.01	26800.00
PMS	17.00	9.7	0.01	12100.00

Top 5 cổ phiếu giảm mạnh nhất trên HNX

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
HGM	32.60	-11.65	-0.03	4500.00
MBG	6.30	-10.00	-0.03	2.32MLN
VSM	10.80	-10.00	0.00	100.00
GDW	31.90	-9.89	-0.01	300.00
V21	7.30	-9.88	-0.01	1900.00

Hình 3

Giao dịch khối ngoại



Nguồn: HSX, HNX, BSC Research

Danh sách các báo cáo đặc biệt BSC đã phát hành gần đây

STT	Tên báo cáo	Loại báo cáo	Mã cổ phiếu liên quan	Link tải báo cáo
1	Vĩ Mô & Thị Trường Tháng 4.2020	Phân tích vĩ mô		Click
2	BSC_Vietnam Sector Outlook_2020_VN_04212020	Phân tích ngành		Click
3	BSC_Vietnam_Hoa Kỳ cập nhật danh sách_22042020	Phân tích vĩ mô		Click
4	BSC_Tác động sụt giảm của giá dầu_19032020	Phân tích vĩ mô		Click
5	Vĩ Mô & Thị Trường Tháng 2.2020	Phân tích vĩ mô		Click
6	BSC_Dịch SARS-Cov_2 và các tác động_20200226	Phân tích vĩ mô		Click
7	11022020_Banking Sector Outlook_BSC Sector	Phân tích ngành		Click
8	BSC_Dịch Covid-19 (Virus corona) và tác động	Phân tích vĩ mô		Click
9	Vĩ Mô & Thị Trường Tháng 1.2020	Phân tích vĩ mô		Click
10	BSC_Vietnam Sector Outlook_2020	Phân tích ngành		Click
11	BSC_ Báo cáo tác động của Virus Corona	Phân tích vĩ mô		Click
12	20200121_BSC_Vietnam Sector Review_2019_VN	Phân tích ngành		Click
13	BSC_Vietnam Marco Market Outlook_VN_2020	Phân tích vĩ mô		Click
14	Vĩ Mô & Thị Trường Tháng 11.2019	Phân tích vĩ mô		Click
15	Vĩ Mô & Thị Trường Tháng 10.2019	Phân tích vĩ mô		Click
16	BSC_Vietnam Sector Outlook_VN_4Q2019	Phân tích ngành		Click
17	Vĩ Mô & Thị Trường Quý III_Tạo nền vững chắc	Phân tích vĩ mô		Click
18	BSC_ Quyết định 1870 về Lãi suất tác động	Phân tích vĩ mô		Click
19	Báo cáo Tổng kết KQKD 6T.2019_BSC Research	Phân tích ngành		Click
20	Vĩ Mô & Thị Trường Tháng 08.2019	Phân tích vĩ mô		Click

Danh sách các cổ phiếu BSC đã khuyến nghị gần đây

STT	Mã	Ngành	Khuyến nghị	Ngày ra báo cáo	Giá ngày ra báo cáo	Giá mục tiêu	Giá hiện tại	EPS	P/E	P/B	Link tải báo cáo
1	PNJ	Bán lẻ	Theo dõi	19/5/2020	62.0	64.5	63.0	5,248	12.0	2.8	Click
2	VTP	Viễn thông	Mua	19/5/2020	125.0	145.9	134.5	5,718	23.5	8.3	Click
3	DXG	Bất động sản	Theo dõi	19/5/2020	10.6	15.4	11.2	2,289	4.9	0.8	Click
4	PLC	Dầu khí	Theo dõi	15/5/2020	16.4	18.8	17.1	1,496	11.4	1.0	Click
5	HDG	Bất động sản	Theo dõi	15/5/2020	27.3	N/a	27.5	7,637	3.6	1.3	Click
6	CSV	Hóa chất	Theo dõi	13/5/2020	20.6	N/a	21.9	5,311	4.1	1.0	Click
7	DGW	Bán lẻ	Mua	13/5/2020	26.9	32.1	26.7	4,465	6.0	1.2	Click
8	VCB	Ngân hàng	Mua	8/5/2020	67.4	90.0	82.9	4,848	17.1	3.6	Click
9	ACB	Ngân hàng	Mua	7/5/2020	20.3	27.0	22.8	3,780	6.0	1.3	Click
10	VHC	Thủy sản	Theo dõi	6/5/2020	29.5	33.8	33.9	6,553	5.2	1.2	Click
11	PHR	Cao su	Mua	21/4/2020	43.7	51.9	49.0	3,887	12.6	2.5	Click
12	FPT	Công nghệ	Mua	16/4/2020	46.4	60.7	48.0	4,804	10.0	2.2	Click
13	GMD	Vận tải	Mua	18/3/2020	16.4	27.2	19.6	1,583	12.4	1.0	Click
14	KBC	Bất động sản	Mua	13/3/2020	12.4	17.1	13.9	1,880	7.4	0.7	Click
15	SAB	Thực phẩm	Theo dõi	13/3/2020	144.0	161.1	175.2	6,719	26.1	6.5	Click
16	KDH	Bất động sản	Mua	11/3/2020	23.0	28.9	21.7	1,782	12.2	1.5	Click
17	VNM	Thực phẩm	Mua	28/2/2020	106.2	127.3	115.0	5,453	21.1	6.7	Click
18	AAA	Sản xuất	Theo dõi	26/2/2020	12.6	15.0	12.5	1,781	7.0	0.7	Click
19	MWG	Bán lẻ	Mua	25/2/2020	106.2	171.1	84.8	8,808	9.6	2.9	Click
20	VHC	Thủy sản	Theo dõi	21/2/2020	34.5	35.0	33.9	6,553	5.2	1.2	Click



TRỢ LÝ THÔNG MINH iBROKER

Nhanh chóng, chính xác, chuyên sâu

BSC iBroker là dịch vụ 24/7 cung cấp cho khách hàng để hỗ trợ tra cứu thông tin, phân tích dữ liệu thị trường, dữ liệu cổ phiếu và đưa ra các tư vấn khuyến nghị đầu tư. BSC iBroker không thay thế khách hàng trong việc ra quyết định giao dịch; khách hàng nên xem xét BSC iBroker như một nguồn thông tin tham khảo.



Trợ lý phân tích định lượng (kim): gồm các chức năng tư vấn cổ phiếu dựa trên phân tích dữ liệu giá và khối lượng giao dịch, tư vấn tín hiệu mua/bán cổ phiếu trong phiên; tra cứu biến động dòng tiền theo các nhóm ngành thị trường; tra cứu tin tức báo chí,...



Trợ lý phân tích cơ bản (mộc): có chức năng phân tích các chỉ tiêu tài chính cơ bản của từng mã cổ phiếu ở kỳ hiện tại, so sánh với chỉ tiêu tài chính trung bình ngành và trung bình toàn thị trường.



Trợ lý báo cáo phân tích (thủy): Có chức năng tra cứu danh sách và nội dung các báo cáo cập nhật doanh nghiệp, phân tích ngành và doanh nghiệp của các chuyên viên phân tích BSC.



Trợ lý phái sinh (hỏa): cung cấp các chức năng sau: lịch phái sinh; thông tin công bố; tư vấn tham khảo thông tin giao dịch và tư vấn chiến lược giao dịch các hợp VN30F1m, VN30F2M, VN30F1Q, VN30F2Q; Xây dựng chiến lược giao dịch Alpha nghiên cứu các tác động làm thay đổi xu hướng vận động của các HĐTL theo phiên.

Sử dụng iBroker tại đây
Bản công bố rủi ro

[Link](#)
[Link](#)

Hướng dẫn sử dụng
Video hướng dẫn sử dụng

[Link](#)
[Link](#)

Báo cáo cập nhật trên iBroker trong ngày

Mã gõ báo cáo	Ngày	Nội dung tóm tắt
Express GVR 2020Q2	5/5/2020	Kế hoạch 2020. Doanh thu đạt 24.647 tỷ đồng (+7.76% yoy), LNTT đạt 4.961 tỷ đồng (+6.57%yoy) trong đó Tổng sản lượng khai thác từ 360.000 tấn trở lên, tăng 8,66% so với năm 2019; thu mua 73.000 tấn, sản lượng tiêu thụ kế hoạch 433.000 tấn, tăng 4,79% so với năm 2019. Lĩnh vực kinh doanh chiếm tỷ trọng doanh thu cao nhất là kinh doanh mỏ cao su bị sụt giảm mạnh do giá bán cao su vẫn còn rất thấp; khối sản phẩm gỗ và công nghiệp cao su đang chịu áp lực cạnh tranh; khối khu công nghiệp chưa có tín hiệu rõ ràng về cơ chế thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất; đặc biệt là ảnh hưởng nghiêm trọng của dịch bệnh Covid-19. Một số thông tin khác. Theo phê duyệt của tỉnh Đồng Nai, GVR sẽ chuyển nhượng khoảng 1.800 ha trong dự án thu hồi đất, bồi thường hỗ trợ, tái định cư Cảng Hàng không Quốc tế Long Thành trong khoảng trước tháng 10/2020, với giá đền bù 475 triệu đồng/ha (chưa bao gồm cây cao su).
Express SZC 2020Q2	5/5/2020	KQKD quý 1.2020. Doanh thu thuần đạt gần 121 tỷ đồng cao gấp 2,5 lần cùng kỳ đến chủ yếu từ 103 tỷ đồng doanh thu cho thuê khoảng 9ha đất KCN và phí quản lý khoảng 15 tỷ đồng doanh thu hoạt động khu dịch vụ thể dục thể thao, LNST đạt 53.6 tỷ đồng (gấp 2.89 lần cùng kỳ), lần lượt hoàn thành được 32% kế hoạch doanh thu và 47% kế hoạch LNST, biên LNG ổn định duy trì ở mức 53%. Kế hoạch 2020: Doanh thu 371 tỷ đồng, LNST 115.4 tỷ đồng trong đó (1) KCN: ký thuê 23ha, ký MOU 50ha, doanh thu cho thuê đất KCN, thuê nhà xưởng, phí quản lý và dịch vụ 282 tỷ, trong đó thuê đất KCN, nhà xưởng, phí quản lý khoảng 278 tỷ đồng. (2) BOT: dự kiến 64.5 tỷ đồng (3) Tư vấn giám sát: 3.5 tỷ đồng, sân golf 5.5 tỷ đồng (cho thuê sân tập) (4) BDS dân dụng: 5 tỷ.
Express HPG 2020Q2	4/28/2020	Kế hoạch kinh doanh: Tổng doanh thu đạt 6,200 tỷ (-20%yoy), LNST đạt 433 tỷ (-48%yoy). Dự kiến chia cổ tức 2019 bằng cổ phiếu với tỷ lệ 15% vào quý 3. Kết quả Q1/2020: Doanh thu đạt 1,600 tỷ (-14%yoy), lợi nhuận sau thuế đạt 114.6 tỷ (-34.5%yoy). Nguyên nhân đến từ (1) sản lượng vận tải dầu thô và dầu sản phẩm từ Dung Quất và Nghi Sơn giảm do cầu yếu, tồn kho nhiều và (2) giá dầu giảm mạnh => giá cước tàu dầu thô chạy nội địa giảm để hỗ trợ các nhà máy lọc dầu. Với giá định (1) giá dầu trung bình năm 2020 ở mức 48.5\$/thùng (-24%yoy) và (2) nhà máy lọc dầu Dung Quất và Nghi Sơn hoạt động ở mức công suất 90%, BSC ước tính doanh thu và lợi nhuận sau thuế của PVT lần lượt đạt 6,860 tỷ (-11%yoy) và 632 tỷ (-23%yoy).
Express PVT 2020Q2	4/27/2020	Với giá định (1) giá dầu trung bình năm 2020 ở mức 48.5\$/thùng (-24%yoy – tương đương 50% mức giảm từ trường hợp xấu nhất) và (2) nhà máy lọc dầu Dung Quất và Nghi Sơn hoạt động ở mức công suất 90%, BSC ước tính doanh thu và lợi nhuận sau thuế của PVT lần lượt đạt 6,860 tỷ (-11%yoy) và 632 tỷ (-23%yoy). Trong trường hợp xấu nhất, nhu cầu dầu thấp khiến giá dầu ở mức 33\$/thùng và Dung Quất cùng Nghi Sơn chỉ hoạt động với công suất 70%, chúng tôi ước tính doanh thu và lợi nhuận sau thuế cả năm của PVT đạt 6.1 nghìn tỷ (-20%yoy) và LNST đạt 493 tỷ (-39%yoy – không tính thanh lý tàu) – tương đương điều chỉnh giảm 13.5% và 42% so với dự phóng đầu năm. Chúng tôi sẽ tiến hành đánh giá lại khi có số liệu đầy đủ và chính xác hơn. Kế hoạch kinh doanh: Tổng doanh thu đạt 6,200 tỷ (-20%yoy), LNST đạt 433 tỷ (-48%yoy). Dự kiến chia cổ tức 2019 bằng cổ phiếu với tỷ lệ 15% vào quý 3.
Express DGC 2020Q2	21/4/2020	Kế hoạch kinh doanh năm 2020 DGC đặt kế hoạch doanh thu 6,085 tỷ (+19.5% YoY) và lợi nhuận sau thuế 600 tỷ (+4.9% YoY). Kết quả kinh doanh Quý 1 DGC ghi nhận doanh thu và lợi nhuận sau thuế lần lượt là 1,520 tỷ (+30.6% YoY) và 199.5 tỷ (+66.3% YoY). Biên lợi nhuận gộp đạt 20.1%, tăng mạnh từ mức 16.9% cùng kỳ. Công ty cho biết trong quý 1 năm 2020 sản lượng tăng 30.1% (chủ yếu ở sản phẩm phốt pho và phân bón), như vậy, giá bán bình quân tiếp tục đi ngang. Việc biên lợi nhuận góp tăng mạnh BSC cho rằng nhờ giảm chi phí đầu vào: Giá than cốc (chiếm ~10% COGS) giảm 10.3% YoY. DGC cho biết việc vận chuyển hàng hóa vẫn diễn ra bình thường trong quý 1 năm 2020. Thuế xuất khẩu mặt hàng Phốt pho Bộ Tài chính quyết định giữ nguyên mức thuế xuất khẩu với Phốt pho vàng là 5% sau khi tỉnh Lào Cai đề xuất tăng lên mức 20%.



Khuyến cáo sử dụng

Bản báo cáo này của Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Đầu tư và phát triển Việt Nam (BSC), chỉ cung cấp những thông tin chung và phân tích về tình hình kinh tế vĩ mô cũng như diễn biến thị trường chứng khoán trong ngày. Báo cáo này không được xây dựng để cung cấp theo yêu cầu của bất kỳ tổ chức hay cá nhân riêng lẻ nào hoặc các quyết định mua bán, nắm giữ chứng khoán. Nhà đầu tư chỉ nên sử dụng các thông tin, phân tích, bình luận của Bản báo cáo như là nguồn tham khảo trước khi đưa ra những quyết định đầu tư cho riêng mình. Mọi thông tin, nhận định và dự báo và quan điểm trong báo cáo này được dựa trên những nguồn dữ liệu đáng tin cậy. Tuy nhiên Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng đầu tư và phát triển Việt Nam (BSC) không đảm bảo rằng các nguồn thông tin này là hoàn toàn chính xác và không chịu bất kỳ một trách nhiệm nào đối với tính chính xác của những thông tin được đề cập đến trong báo cáo này, cũng như không chịu trách nhiệm về những thiệt hại đối với việc sử dụng toàn bộ hay một phần nội dung của bản báo cáo này. Mọi quan điểm cũng như nhận định được đề cập trong báo cáo này dựa trên sự cân nhắc cẩn trọng, công minh và hợp lý nhất trong hiện tại. Tuy nhiên những quan điểm, nhận định này có thể thay đổi mà không cần báo trước. Bản báo cáo này có bản quyền và là tài sản của Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam (BSC). Mọi hành vi sao chép, sửa đổi, in ấn mà không có sự đồng ý của BSC đều trái luật. Bất kỳ nội dung nào của tài liệu này cũng không được (i) sao chụp hay nhân bản ở bất kỳ hình thức hay phương thức nào hoặc (ii) được cung cấp nếu không được sự chấp thuận của Công ty Cổ phần Chứng khoán BIDV.

BSC Trụ sở chính

Tầng 10 & 11 Tháp BIDV

35 Hàng Vôi, Hoàn Kiếm, Hà Nội

Tel: +84 4 3935 2722

Fax: +84 4 2220 0669

BSC Chi nhánh Hồ Chí Minh

Tầng 9 Tòa nhà 146 Nguyễn Công
Trứ

Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh

Tel: +84 8 3821 8885

Fax: +84 8 3821 8510

<http://www.bsc.com.vn>

Bloomberg: RESP BSCV <GO>



Đối với KHTC mời liên lạc:

Vũ Thanh Phong
Trần Thành Hưng
Nguyễn Hoàng Dương
Nguyễn Hoàng Nguyên

Chức vụ

Trưởng phòng TVĐT và môi giới KHTC
Chuyên viên TVĐT và môi giới KHTC
Chuyên viên TVĐT và môi giới KHTC
Chuyên viên TVĐT và môi giới KHTC

Địa chỉ email

phongvt@bsc.com.vn
hungtt@bsc.com.vn
duongnh@bsc.com.vn
nguyennh@bsc.com.vn